TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2021
V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình – Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hiến.

2. Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong ngày 25/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bùi Thị P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Cao Minh C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Bà P có mặt, ông C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Bà Bùi Thị P là nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2019, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc

khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 9/2020, ông bà và ly thân cho đến nay. Nay, bà P không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu được ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con: Không có

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Ông Cao Minh C là bị đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C thống nhất với lời trình bày của bà Phương về thời gian sống chung, quá trình phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân. Nay, bà P yêu cầu được ly hôn, ông đồng ý.

- Về quan hệ nuôi con: Không có.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bên cạnh đó, bị đơn ông Cao Minh C hiện đang cư trú tại ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo quy định của pháp luật bị đơn ông Cao Minh C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa sơ thẩm. Nhưng ông Cao Minh C có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Cao Minh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông C do quen biết và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, thời gian đầu cả hai có cuộc sống hạnh phúc. Lẽ

ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại bà P, ông C không tôn trọng tình cảm đã có, ông C không quan tâm, chăm sóc vợ dẫn đến mâu thuẫn xảy ra. Hơn nữa, bà P và ông C không có giải pháp tích cực để hàn gắn tình cảm, điều đó chứng minh đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay bà Bùi Thị P yêu cầu Tòa án ly hôn với ông Cao Minh C.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc triệu tập đối với bị đơn ông Cao Minh C tham gia phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, nhưng tại phiên hòa giải ông Cường có ý kiến đồng ý ly hôn và tại phiên tòa hôm nay ông C có đơn xin xét xử vắng mặt. Điều này thể hiện ông C không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà P.

Mặt khác, tại thời điểm kết hôn năm 2019, bà P 41 tuổi, ông C 40 tuổi theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà P và ông C có đủ điều kiện kết hôn, nhưng hai bên không đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Cụ thể tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định như sau:

"*Việc kết hôn phải được đăng ký và do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Bên cạnh đó, theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*".

Do đó hôn nhân giữa bà Bùi Thị P và ông Cao Minh C không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị P không được chấp nhận.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị P, ông Cao Minh C là vợ chồng.

[4] Về quan hệ nuôi con: Theo lời trình bày của bà P và nội dung tại Tờ tự khai đề ngày 21/5/2021 của ông Cao Minh C thì ông, bà thống nhất không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Theo lời trình bày của bà P và nội dung tại Tờ tự khai đề ngày 21/5/2021 của ông Cao Minh C thì ông, bà thống nhất không có tài sản, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Bà Bùi Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011678 ngày 07/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Bùi Thị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Cao Minh C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Cao Minh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị P với ông Cao Minh C.

- Về quan hệ nuôi con: Không có.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Bùi Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011678 ngày 07/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Bùi Thị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Cao Minh C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Cao Minh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, (D).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Diệu